

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 25/7/2017

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Loan

*Các thẩm phán:*

Ông Lê Viết Phong

Ông Nguyễn Viết Hùng

*Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Phương Tâm

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017; Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/HNGĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm: 1989 (*vắng mặt*)

*Địa chỉ:* Đội 1, thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: ông **Trần Ngọc T**, sinh năm: 1990 (*vắng mặt*)

*Địa chỉ:* Thôn B, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 08 tháng 12 năm 2016, biên bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Trần Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 15/10/2014 tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống chị và anh T không có hạnh phúc do anh T thường xuyên đi uống rượu, không chăm lo cho gia đình dẫn đến đời sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Chị và anh T sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị H yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh T.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh gày 04/9/2015. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Nợ bà Hoàng Thị T1 40.000.000 đồng, vợ chồng chị H tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2017/HNGĐ-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P tuyên xử:*

*Áp dụng khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 điều 217, 218, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị H đối với yêu cầu trả nợ chung 40.000.000đồng.*

*Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 56; 81; 82 Luật hôn nhân gia đình;*

*Tuyên:*

*- Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.*

*- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Ngọc T.*

*- Về con chung: Giao người con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản.*

*Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.*

Ngày 27/4/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước ra quyết định số 02/QĐ/KNPT-VKS kháng nghị toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2017/HNGĐ-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định kháng nghị về phần hôn nhân và nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý tới khi kết thúc vụ án tòa cấp sơ thẩm vi phạm những vấn đề sau: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vắng mặt bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng lại chưa xác minh làm rõ việc anh T đi khỏi địa phương từ thời gian nào, có thường xuyên liên lạc với gia đình hay không? Tòa cấp sơ thẩm chỉ lập 01 biên bản xác minh vào ngày 04/01/2017 tại Công an xã N, huyện P làm căn cứ để niêm yết các văn bản tố tụng là không đúng

quy định. Ngày 09/02/2017 Tòa cấp sơ thẩm lập biên bản niêm yết thông báo về phiên hòa giải và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đến ngày 16/02/2017 Tòa cấp sơ thẩm lập biên bản về việc vắng mặt đương sự về phiên họp và hòa giải là vi phạm khoản 3 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình giải quyết cấp phúc thẩm, bị đơn Trần Ngọc T đã nộp 01 bản tự khai có trình bày: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện P có Thông báo việc thụ lý vụ án cho anh T về việc chị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh T. Và Tòa án đã thông báo cho anh T về nhận Bản án nhưng do công việc bận, anh T không có thời gian tham gia giải quyết tại Tòa án. Hiện nay anh đồng ý với Quyết định của Bản án sơ thẩm về việc ly hôn và nuôi con chung.

Tại phiên Tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát đã rút kháng nghị đối với phần quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Theo quy định tại Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần này. Quyết định của Bản án sơ thẩm về phần Quyết định ly hôn và nuôi con chung sau ly hôn có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng không có tài sản chung nhưng có nợ bà Hoàng Thị T1 40.000.000 đồng và yêu cầu mỗi người trả  $\frac{1}{2}$  số nợ cho T1. Lẽ ra Tòa cấp sơ thẩm cần phải đưa T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tiến hành thu thập ý kiến T1 có yêu cầu độc lập hay không? Nhưng Tòa cấp sơ thẩm đã không thực hiện là vi phạm khoản 4 Điều 68, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu độc lập của T1 nhưng đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H đối với yêu cầu trả nợ chung số tiền 40.000.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật. Kháng nghị của Viện kiểm sát về phần này là có căn cứ nên cần hủy phần chia tài sản (nghĩa vụ trả nợ chung). Chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310; của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Sửa một phần bản án sơ thẩm 05/2017/HNGĐ-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P.

Hủy một phần bản án sơ thẩm 05/2017/HNGĐ-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P về phần tài sản.

Chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

*Về con chung:* Giao người con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Trần Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản.

*Về tài sản:* Sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên lai thu tiền số 0018770 ngày 28/12/2016. Số tiền còn lại sẽ được giải quyết khi vụ án xét xử lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh T, chị H không phải chịu.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký.***

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND huyện P
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Loan**

Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310; của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Sửa một phần bản án sơ thẩm 05/2017/HNGĐ-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P.

Hủy một phần bản án sơ thẩm 05/2017/HNGĐ-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P về phần tài sản.

Chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

*Về con chung:* Giao người con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Trần Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản.

*Về tài sản:* Sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên lai thu tiền số 0018770 ngày 28/12/2016. Số tiền còn lại sẽ được giải quyết khi vụ án xét xử lại.

Anh Trần Ngọc T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh T, chị H không phải chịu.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký.***

**Các thẩm phán**

**Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Viết Phong**

**Nguyễn Viết Hùng**

**Nguyễn Đình Loan**